

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 26-8-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Vĩnh
Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân M, sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; con ông Phạm B (đã chết) và bà Phạm Thị Thuê (đã chết); Gia đình bị cáo có 07 anh em, lớn nhất sinh năm 1952, nhỏ nhất sinh năm 1964; vợ Huỳnh Thị Ngọc Hiền, sinh năm 1969; bị cáo có 04 người con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang được tại ngoại tại Tổ dân phố 12, thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

3. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 ngày 10/3/2020, Phạm Xuân M, sau khi đã uống rượu và ngồi ở trên võng trước hiên nhà dùng dao thái lan để gọt xoài ăn thì thấy bà Đặng Thị Hiền là hàng xóm ở cạnh nhà đang dắt chó đi dạo ngoài đường. Do trước đó Mẫn và bà Hiền thường xuyên có mâu thuẫn, cãi vã với nhau trong sinh hoạt hàng ngày nên Mẫn đã cầm con dao thái lan đang dùng để gọt xoài đi ra ngoài đường và nói với bà Hiền là: *“Bây giờ có thích đánh nhau không”*. Bà Hiền hoảng sợ bỏ chạy về phía nhà bà Hiền đồng thời hô lớn *“anh ơi, thằng Mẫn đánh em”*. Lúc này, ông Nguyễn Văn Hiệp là chồng bà Hiền từ trong nhà chạy ra thì thấy bà Hiền bị ngã ngổ dưới đường, còn Mẫn đang tiến về phía bà Hiền, ông Hiệp liền lao đến cản Mẫn. Trong lúc ông Hiệp và Mẫn giằng co, xô xát với nhau, Mẫn đã dùng con dao thái lan cầm trên tay từ trước đâm, rạch trúng nhiều nhát vào người ông Hiệp. Lúc này ông Hiệp dùng tay đánh trả và xô, đẩy Mẫn ngã nằm xuống đường, đồng thời phát hiện ở tay của Mẫn có cầm một con dao thái lan và trên người mình có chảy máu nên ông Hiệp ngồi đè lên bụng Mẫn và dùng tay giữ chặt tay cầm dao của Mẫn rồi hô lớn gọi bà Hiền *“Em ơi nó cầm dao đâm trúng anh rồi”*. Bà Hiền lúc này chạy lại gần vị trí ông Hiệp đang ngồi đè lên Mẫn và dùng tay giúp ông Hiệp tước, giằng lấy con dao từ tay trái của Mẫn rồi đưa con dao cho ông Hiệp. Mẫn do đang trong tình trạng say rượu nên sau khi bị ngã xuống đường thì nằm bất động dưới đường. Thấy Mẫn nằm bất động, không có phản ứng gì nên ông Hiệp vứt con dao lại gần hiện trường rồi cùng bà Hiền đi về phía nhà mình để sơ cứu vết thương. Sau đó ông Hiệp được đưa đến Trung tâm y tế huyện Đa Huoai sơ cứu, chữa trị. Quá trình điều tra, Phạm Xuân M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên (*bút lục các số 53-54; 55; 74-75; 76-90, 91-106, 107-114, 115-122, 123-125, 126-127*).

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn Hiệp bị một vết thương vùng 1/3 giữa xương ức có vết rách da 1 cm; mặt trong cánh tay P có vết thương rách da nông; vùng ngực có 02 vết trầy xước da (vết ngang dài 10 cm, vết dọc 25 cm); ngón I tay P rách da 1 cm. Sau khi điều trị ổn định thương tích, đến ngày 13/05/2020, Ông Hiệp có đơn yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an huyện Đa Huoai xử lý bằng pháp luật hình sự đối với Phạm Xuân M (*bút lục các số 59-60, 61*).

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 62/2020-TgT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn Hiệp 8 % (*tám phần trăm*) tổn thương do vật sắc nhọn gây nên. (*bút lục các số 31-32*).

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã thu:

+ 01 (một) con dao thái lan, chiều dài 23 cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,7 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,9 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra tình trạng sức khỏe của ông Hiệp đã ổn định nên ông Hiệp có đơn không yêu cầu Phạm Xuân M bồi thường thiệt hại (*bút lục số 63*).

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-ĐH ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phạm Xuân M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015*).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu, không có ý kiến bổ sung hay ý kiến gì khác. Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Xuân M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Xuân M từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng; xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao thái lan, chiều dài 23 cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,7 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,9 cm.

- Bị cáo Phạm Xuân M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án. Tại phần tranh luận bị cáo không kêu oan, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng cân nhắc giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bị hại ông Nguyễn Văn Hiệp khẳng định vào tối ngày 10-3-2020 tại tổ dân phố 12, thị trấn Madagui, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng bị cáo Mẫn có hành vi gây thương tích cho ông, bản thân ông Hiệp không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án. Tại phần tranh luận ông Hiệp đề nghị Tòa án xem xét xử lý nghiêm khắc hành vi của bị cáo Mẫn theo quy định của pháp luật, không yêu cầu bị cáo Mẫn phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe do hành vi trái pháp luật của bị cáo Mẫn gây ra.

- Những người làm chứng bà Đặng Thị Ngọc Hiền, chị Nguyễn Thị Hiệp thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó xác định các Cơ quan tiến hành tố tụng; các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh: Lời khai nhận của bị cáo Phạm Xuân M tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, phương thức cũng như hung khí, công cụ mà bị cáo đã sử dụng để thực hiện tội phạm. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định: Do có xích mích, mâu thuẫn từ trước nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/3/2020, khi đang ngồi ở trên võng trước hiên nhà của mình thì Phạm Xuân M thấy bà Đặng Thị Ngọc Hiền đang dắt chó đi dạo ngoài đường, Phạm Xuân M đã cầm con dao thái lan này đi ra ngoài đường và hù dọa bà Đặng Thị Ngọc Hiền, khi ông Nguyễn Văn Hiệp chạy ra can ngăn thì bị Phạm Xuân M dùng con dao thái lan đâm trúng vùng ngực, cánh tay. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 62/2020-TgT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn Hiệp 8% (*tám phần trăm*). Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai truy tố bị cáo tại cáo trạng số 13/CT-VKS-ĐH ngày 28 tháng 7 năm 2020 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Phạm Xuân M là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà bị cáo đã gây thương tích cho người khác gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi trái pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn cố tình thực hiện, điều đó cho thấy bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, gây bức xúc trong đời sống xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử cần thiết phải ra một bản án phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Từ trước đến nay bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; chỉ vì bức tức và không làm chủ được bản thân nên nhất thời phạm tội nên Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi lượng hình.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo dùng dao gây thương tích cho ông Nguyễn Văn Hiệp. Kết quả giám định thương tích xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của ông Hiệp là 8%. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” tội phạm và hình phạt được quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo chỉ bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình Điều tra - truy tố - xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo đã từng tham gia bảo vệ tổ quốc tại chiến trường Campuchia từ năm 1983 đến năm 1987 với cấp bậc là Thượng Sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo; Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo thì thấy rằng: Bị cáo Phạm Xuân M phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao cho bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đã đủ sức răn đe đối với bị cáo. Đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình Điều tra - truy tố - xét xử người bị hại là ông Nguyễn Văn Hiệp không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập đến.

[6] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đối với 01 (một) con dao thái lan, chiều dài 23 cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,7 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,9 cm là công cụ, phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân M 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*hai bốn*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Xuân M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không đề cập đến.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao thái lan, chiều dài 23 cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 11,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,7 cm, mũi dao nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,9 cm (*hiện vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai theo biên bản giao, nhận vật chứng 30/7/2020*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Xuân M phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- VKSND huyện Đạ Huoai (01);
- Công an huyện Đạ Huoai (01);
- Cơ quan THAHS huyện Đạ Huoai (01);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02);
- UBND thị trấn madagui (01);
- Bộ phận THA hình sự (04);
- Bị cáo (01);
- Người bị hại (01);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Lập

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Đạ Huoai;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà Giang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. **Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là**

chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

